

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2025
“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mỹ Linh.

Ông Ngô Hoàng Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Mộng N, sinh năm 1983. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng N trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 2007, bà N và ông T qua thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 24 tháng 12 năm 2007.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, đã không còn chung sống hơn 09 năm nay, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên là Lê Thúy H - ngày 18/4/2010, Lê Mỹ N1 – ngày 17/12/2014 và Lê Ngọc B – sinh ngày 16/6/2016, hiện nay các cháu đang sống chung với bà N; Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng ông T không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N yêu cầu xin ly hôn và nuôi con.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Bùi Thị Mộng N trình bày: Bà N yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn T; về con chung: Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thúy H, cháu Lê Mỹ N1 và cháu Lê Ngọc B; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Ông Lê Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2007, bà Bùi Thị Mộng N và ông Lê Văn T tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 147 ngày 24 tháng 12 năm 2007, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N: Vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau hơn 09 năm, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà N, qua đó cho thấy ông T không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa hai người. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Mộng N và ông Lê Văn T.

[2.2] Về con chung: Có 03 người con chung tên là Lê Thúy H - ngày 18/4/2010, Lê Mỹ N1 – ngày 17/12/2014 và Lê Ngọc B – sinh ngày 16/6/2016; khi

ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Đối với cháu H, cháu N1 và cháu B đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng sống chung với bà N và hiện nay 03 cháu đang sinh sống với bà N đã ổn định về cuộc sống và về tâm sinh lý; ông T không có ý kiến về việc yêu cầu nuôi dưỡng con của bà N; xét thấy việc giao cháu H, cháu N1 và cháu B cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Lê Thúy H, cháu Lê Mỹ N1 và cháu Lê Ngọc B cho bà Bùi Thị Mộng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà N không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Bùi Thị Mộng N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Mộng N đối với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thúy H - ngày 18/4/2010, Lê Mỹ N1 – ngày 17/12/2014 và Lê Ngọc B – sinh ngày 16/6/2016 cho bà Bùi Thị Mộng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Mộng N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010495 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, bà N đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành, Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn